

Số: 1189/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 27 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính
trong các lĩnh vực Y tế đáp ứng yêu cầu tái cấu trúc quy trình,
cung cấp Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin
giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh Phú Thọ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1556/QĐ-BYT ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế 1641/TTr-SYT ngày 20/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính trong các lĩnh vực Y tế đáp ứng yêu cầu tái cấu trúc quy trình, cung cấp Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh Phú Thọ (Chi tiết tại Danh mục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Y tế, đơn vị cung cấp dịch vụ phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và các cơ quan liên quan:

- Rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính; chuẩn hóa mẫu đơn, tờ khai, thiết lập biểu mẫu điện tử tương tác và thực hiện tích hợp, kiểm thử để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục hành chính được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

- Triển khai vận hành, cung cấp Dịch vụ công vụ công trực toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đối với các thủ tục hành chính được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục Dịch vụ công trực tuyến theo quy định trong **Quy III/2024**.

2. Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện của các cơ quan thực hiện Quyết định này; kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Y tế, các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Quang

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC Y TẾ
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TÁI CẤU TRÚC QUY TRÌNH, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH TRÊN
HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH PHÚ THỌ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1189/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

TTHC: Thủ tục hành chính.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
I	Lĩnh vực Dược phẩm		
1	1.004616	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp Cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ	Cấp tỉnh
2	1.004604	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	Cấp tỉnh
3	1.004599	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	Cấp tỉnh
4	1.004596	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Cấp tỉnh
5	1.004576	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Cấp tỉnh
6	1.004571	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Cấp tỉnh
7	1.004557	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Cấp tỉnh
8	1.004532	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Cấp tỉnh
9	1.004529	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Cấp tỉnh

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
10	1.004459	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Cấp tỉnh
11	1.004449	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Cấp tỉnh
12	1.004087	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	Cấp tỉnh
13	1.002934	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT	Cấp tỉnh
14	1.002235	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT	Cấp tỉnh
15	1.001893	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	Cấp tỉnh
16	1.003963	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	Cấp tỉnh
II	Lĩnh vực Mỹ phẩm		
1	1.002483	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	Cấp tỉnh
2	1.000990	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Cấp tỉnh
3	1.000793	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	Cấp tỉnh
4	1.000662	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Cấp tỉnh
5	1.003073	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Cấp tỉnh
6	1.002600	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	Cấp tỉnh
7	1.009566	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	Cấp tỉnh

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
III	Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng		
1	1.003108	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Cấp tỉnh
2	1.003332	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Cấp tỉnh
3	1.003348	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Cấp tỉnh
IV	Lĩnh vực thiết bị và công trình Y tế		
1	1.003039	Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	Cấp tỉnh
2	1.003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất thiết bị y tế	Cấp tỉnh
3	1.003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B	Cấp tỉnh